

Bản án số: **44/2024/HNGĐ-ST**  
Ngày: 06-9-2024  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Hậu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Minh Tám

Ông Phạm Thuận

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Đình Vui - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng** tham gia phiên tòa: Bà Lê Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 13/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích Th - sinh năm: 1982; Có mặt

Trú tại: K278A/02 Trần Cao Vân, tổ 55, phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L - sinh năm: 1979; *Vắng mặt*

Trú tại: K278A/02 Trần Cao Vân, tổ 55, phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn bà Trần Thị Bích Th trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn L kết hôn với nhau vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì sống không hợp nên phát sinh nhiều mâu thuẫn sự việc kéo dài đến nay tôi không còn tình cảm gì với ông Nguyễn Văn L nên xin được ly hôn.

- Về con chung: Bà Trần Thị Bích Th xác định bà và ông Nguyễn Văn L có 02 con chung là Nguyễn Khánh Ng - Sinh ngày 25/7/2006 và Nguyễn Thị Lan Q - Sinh ngày 23/4/2008. Ly hôn, bà Thủy có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Lan Q - Sinh ngày 23/4/2008, không yêu cầu ông Lâm cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Khánh Ng - Sinh ngày 25/7/2006 đã trưởng thành nên không đề cập.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận.

**\*Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:** Ông xác nhận thời gian kết hôn và thời gian chung sống như bà Thủy khai là đúng nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa trầm trọng có thể hàn gắn lại được với nhau nên không đồng ý ly hôn mà mong bà Thủy suy nghĩ lại để vợ chồng về lo làm ăn nuôi dạy con cái nên người nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn L vắng mặt.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu:**

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 71, Điều 80, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận cho bà Trần Thị Bích Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn L; giao con chung Nguyễn Thị Lan Q - Sinh ngày 23/4/2008 cho bà Trần Thị Bích Th trực tiếp nuôi dưỡng; ông Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con; Đối với con chung Nguyễn Khánh Ng - Sinh ngày 25/7/2006 đã trưởng thành nên không đề cập.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **\*Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị Bích Th khởi kiện về “Ly hôn, nuôi dưỡng con chung” đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn L có địa chỉ cư trú tại K278A/02 Trần Cao V, tổ 55, phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L nhưng ông Lâm vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **\*Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích Th và ông Nguyễn Văn L đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay bà Thủy xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên yêu cầu ly hôn với ông Lâm.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “...Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” Theo đó, mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi cả vợ và chồng cùng có ý thức và trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, theo xác minh tại nơi cư trú thể hiện ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn chính quyền địa phương có

hoà giải, nhắc nhở. Đồng thời, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện để vợ chồng ông bà trở về đoàn tụ nhưng ông Nguyễn Văn L không có mặt tại Tòa án thể hiện ông không có thiện chí hay có biện pháp gì để xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, nguyện vọng xin được ly hôn để không ràng buộc bởi quan hệ pháp lý của bà Trần Thị Bích Th là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Bích Th xác định bà và ông Nguyễn Văn L có 02 con chung là Nguyễn Khánh Ng - Sinh ngày 25/7/2006 và Nguyễn Thị Lan Q - Sinh ngày 23/4/2008. Ly hôn, bà Thuỷ có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Lan Q - Sinh ngày 23/4/2008, không yêu cầu ông Lâm cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Khánh Ng - Sinh ngày 25/7/2006 đã trưởng thành nên không đề cập.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và trình bày của bị đơn thì thấy: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện kinh tế của mỗi bên cũng như xem xét tới quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Hiện các con chung vẫn đang được bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và các con còn nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho bà Thuỷ trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Th đủ khả năng tài chính nuôi các con nên không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc xem xét cho bà Th được ly hôn với ông L, về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung phù hợp như nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 71, 80, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Bích Th ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. Về quan hệ con chung: Giao ba con chung Nguyễn Thị Lan Q - Sinh ngày 23/4/2008 cho bà Th được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lâm không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Khánh Ng - Sinh ngày 25/7/2006 đã trưởng thành nên không đề cập.

Các bên vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung; vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Trần Thị Bích Th phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001124 ngày 24/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà Thủy đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Bích Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- UBND phường Xuân Hà, quận Thanh Khê  
Thành phố Đà Nẵng.  
(Giấy CNKH số: 79 ngày 30/6/2005);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Hậu**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN**  
**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



- Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc) niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 40 phút, ngày 29 tháng 9 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Xuân Phi**

**Nguyễn Hữu Phước**

**Trần Văn Hậu**





***Nơi nhận:***

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- UBND phường Tam Thuận,  
Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Hậu**